

MỤC ĐÍCH CỦA ĐỜI NGƯỜI

Nguyên tác: Pháp sư Huệ Tịnh

Người dịch: Thiên Đức

Hiệu đính: Định Huệ

Tịnh Độ tông thư tiếng Việt-Sách tùy thân- Hệ giáo nghĩa BT02

MỤC ĐÍCH CỦA ĐỜI NGƯỜI

【越文淨土系列 教理隨身書】人生之目的

Nguyên tác	Pháp sư Huệ Tịnh
Người dịch	Thiền Đức
Hiệu đính	Định Huệ
Biên tập	Trung tâm dịch thuật Hán Nôm Huệ Quang
Nơi xuất bản	Tịnh Độ Tông Văn Giáo Cơ Kim Hội
Địa chỉ	41, Alley 22, Lane 150, Sec.5, Shin-Yi Road, Taipei 11059, Taiwan
Điện thoại	+886-2-27580689
E-mail	amt@plb.tw

Printed in Taiwan in March 2021.

Ấn tống kinh sách miễn phí,
hoan nghênh nhận đọc, hoan nghênh hỗ trợ ấn tống.

— Nơi phiên dịch tại Việt Nam —

Trung tâm dịch thuật Hán Nôm Huệ Quang
Địa chỉ : Số 116, đường Hòa Bình, phường Hòa Thạnh,
quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, 700 000
Điện thoại: + (84)366652268; +(84) 35782386
E-mail: bpdtnhdoavn@gmail.com

MỤC LỤC

I. ĐỜI NGƯỜI LÀ GÌ?	7
II. SAU KHI CHẾT SẼ RA SAO?.....	20
III. MỤC ĐÍCH CỦA ĐỜI NGƯỜI	30
IV. KINH CHỨNG: ĐỨC PHẬT TẢ CẢNH ĐỊA NGỤC	45
V. SỰ CHỨNG: THỂ NGHIỆM CỦA NGƯỜI LÂM CHUNG.....	54
1. Pháp sư Hằng Nghiệm đích thân thấy nghe cảnh địa ngục.....	54
2. Pháp sư Tâm Lạc từ địa ngục trở về.....	67
PHẦN PHỤ	
Mười điều tâm niệm của người niệm Phật.....	76



Bức tranh vin sợi dây leo ném mật

I. ĐỜI NGƯỜI LÀ GÌ?

Trong *kinh Thí dụ*, đức Thế Tôn lấy một ví dụ nổi tiếng, khai thị cho chúng ta: ‘Đời người rất cuộc là gì?’. Ví dụ ấy thế này:

Vào một buổi hoàng hôn tịch mịch của ngày thu, trên một cánh đồng không mông quạnh, có người lữ khách bước đi vội vã, dáng vẻ loạng choạng. Bỗng dưng, anh ta nhận ra trời đã nhá nhem tối, rải rác khắp nơi là những vật màu trắng trắng, chăm chú một hồi anh mới nhận ra đó là xương người! Đang lúc nghi ngờ, suy nghĩ mông lung, bất chợt có âm thanh rùng rợn từ phía trước dội đến, theo đó một con hổ lớn đang xông tới. Nhìn thấy nó, ngay tức khắc anh hiểu rõ những mảnh xương kia từ đâu mà có. Khi ấy, anh lập tức quay lại đường cũ để mong thoát thân, nhưng anh đã quên con đường lúc này, cuối cùng anh chạy tới một đỉnh núi cheo leo. Trong lúc tuyệt vọng, may sao, anh nhìn thấy trên vách núi có một cội tùng, trên cành cây lại có một dây leo đang rủ xuống.

Không chút do dự, anh liền đu theo sợi dây để tuột xuống, khoảnh khắc này quả là thập tử nhất sinh. Hồ thấy miếng mồi ngon trước mắt mà không dễ ăn, lại chạy thoát, có thể tưởng tượng nó đang bực bội tới dường nào, cho nên nó gầm lên dữ dội.

Thật cảm ơn quá! May mà có dây leo cứu giúp, cuối cùng anh cũng được bảo toàn tính mạng. Anh ta dần dần bình tĩnh lại, nhưng nhìn xuống phía dưới, anh thất kinh hét lên một tiếng: “Á!”. Thì ra dưới chân anh là sóng nước cuộn cuộn, chẳng thể lường được độ sâu của nó. Trong đó còn có ba con rồng độc, chúng đang há to miệng đợi anh rơi xuống. Bất tri bất giác, toàn thân anh run lẩy bẩy, nhưng càng sợ hơn khi sợi dây anh đang bám vào để sống sót thì ở gốc dây leo lại xuất hiện hai con chuột trắng và đen đang thay nhau gặm nhấm sợi dây. Anh liếc mình làm cho sợi dây đông đưa, muốn đuổi lũ chuột, nhưng xem ra chúng không có ý định bỏ đi. Vả lại, mỗi lần sợi dây đông đưa, thì có một giọt nước từ trên cây rơi xuống, đây là mật của tổ ong trên cành. Vì nếm được mật ngọt, nên lũ khách quên mất bản thân đang trong hoàn

cảnh ngặt nghèo, vạn phần nguy hiểm. Lúc này, anh vui mừng khi nếm được những giọt mật đó.

Đức Thế Tôn khai thị ‘tướng chân thật của đời người’ mà cả nhân loại đang sở hữu qua hình ảnh vị lữ khách ngu si. Như vậy, Ngài dùng thí dụ này với ý nghĩa thế nào?

Pháp ngữ ‘Con hổ vô thường’ của Phật là khai thị về tướng chân thật của cuộc đời chúng ta.

1. Tâm linh cô độc

Người lữ khách: Là chỉ cho chính chúng ta.

Cánh đồng hoang: Hình ảnh cánh đồng hoang tịch mịch và vô tận ví cho đời người của chúng ta cô quạnh đến cùng cực. Quả thật, từ lúc sinh ra đến nay, chúng ta chính là những lữ khách ở trong cuộc đời này. Đã là lữ khách thì cần biết đích đến của mình. Như vậy mục đích của chúng ta khi đến nhân gian này là gì? Nếu như không biết, chẳng phải là giống với lữ khách ngu si này sao?

Hoàng hôn của ngày thu: Là chỉ cho sự âm đạm, cô liêu của đời người. Vì sao cuộc đời của chúng ta lại giống cảnh cô tịch của ngày thu? Bởi chúng ta chỉ là những lữ khách độc hành. Tuy nói có thân thuộc, gia quyến, bạn bè nhưng chúng ta chẳng thể bày tỏ hết tâm sự trong lòng với họ, cũng chẳng thể thấu hiểu nội tâm của nhau. Dù là vợ chồng, nhưng suốt cả cuộc đời cũng chưa chắc thấu hiểu hết những chuyện trong lòng nhau. Sự cô tịch của đời người vốn do nỗi cô độc trong tâm khảm của mỗi người mà ra. Lẽ nào bạn chưa từng trải qua cảm giác bi thương của cô độc sao?

Xương trắng: Xương trắng ở bên đường là chỉ cho cái chết của những người trong gia quyến, thân thuộc, bạn bè, v.v., trong cả cuộc đời của chúng ta. Chúng ta sống đến hôm nay, đã từng nhìn thấy rất nhiều xương trắng rồi, lúc đó, chúng ta có suy nghĩ gì? Có cảm xúc gì không? Chúng ta có từng để tâm đến ‘con hổ vô thường’ đang hùng hổ lao tới chúng ta chưa?

Con hổ: Hình ảnh con hổ đang bị đói trong thí dụ này là chỉ cho cái chết của chúng ta. Hết thấy

vạn vật trên đời đều là vô thường, do vậy chúng ta đều phải chết.

Đối với chúng ta, việc đáng sợ nhất không gì bằng chết. Thế nên, đức Thế Tôn lấy nỗi sợ con hổ làm thí dụ. Hiện tại, con hổ vô thường này đang mạnh mẽ lao tới chúng ta, nhưng vì chúng ta luôn cho rằng đây là điều rất đáng sợ, lại là việc chẳng hề tốt lành, cho nên bình thường, chúng ta không muốn nghĩ đến. Vả lại, nếu bạn cho rằng dùng giáo lý nhà Phật để nhìn thẳng vào cái chết, bàn luận về cái chết, thì không những cảm thấy thê lương, mà còn thấy chán ghét, vậy thì bạn đã hoàn toàn hiểu sai Phật giáo rồi! Tuy hằng ngày chúng ta quên đi cái chết, trốn tránh nó, thế nhưng cái chết nhất định sẽ tìm đến chúng ta. Tâm lý trốn chạy này không thể giải quyết được cái chết. Chỉ có đối diện với nó thì mới giải quyết được mà thôi. Một khi đã giải quyết xong, thì chúng ta mới thật sự được hạnh phúc và an tâm. Do đó, Phật giáo mới chú trọng đến cái chết.

Làm một lữ khách như chúng ta, bản năng tự nhiên là muốn thoát chết, nên mỗi khi có bệnh thì

chúng ta liền đến bệnh viện hoặc dùng thuốc men để chống chọi lại với cái chết, thế nhưng vẫn trốn không thoát khỏi giới hạn của thọ mạng.

2. Cây tùng dụ cho sự vô lực

Cây tùng: Tiếp đó, chúng ta lại leo lên cây tùng trên vách núi. Cây tùng là chỉ cho: Tiền bạc, tài sản, danh dự, địa vị, v.v. Cho dù chúng ta có được thật nhiều những thứ này đi nữa, nhưng khi cái chết đến, chúng cũng trở nên vô dụng. Như trong lịch sử có Tần Thủy Hoàng và Hán Cao Tổ, đều là những vị vua cả một đời thành tựu huy hoàng, nhưng đến phút lâm chung cũng than rằng: “Ôi, đời người chỉ là mộng trong mộng mà thôi!”, cuối cùng họ phải ra đi trong cô đơn, lạnh lẽo.

Hiện nay, chúng ta có tiền bạc, tài sản, danh dự, địa vị, v.v., nhưng chúng ta có thể mỉm cười để đón nhận cái chết không? Giây phút lâm chung, một vật cũng chẳng thể mang theo, thế nên muốn mỉm cười để đối diện với cái chết là điều không thể!

3. Đời người như mộng

Dây leo: Sợi dây leo dụ cho lối suy nghĩ: “Không đâu! Không đâu! Tôi vẫn chưa chết đâu!”, và cho rằng vẫn còn hai mươi năm, ba mươi năm thọ mạng để nường cậy. Cho dù nghĩ rằng ‘còn sống tới mười năm hay hai mươi năm nữa’, vậy rốt cuộc bạn cho tuổi thọ con người là bao nhiêu? Thử ngẫm nghĩ liền biết: Mười năm, hai mươi năm, chẳng qua chỉ là khoảnh khắc trong một tiếng “A!” ngắn ngủi, mọi thứ dần tiêu tan như mộng, như huyễn cả! Rồi mười hay hai mươi năm sau nữa, cũng giống như thế mà thôi!

Con chuột: Con chuột trắng và đen không ngừng gặm nhấm sợi dây là chỉ cho ngày và đêm. Chuột trắng dụ cho ban ngày, chuột đen dụ cho ban đêm, chúng đang thay nhau rút ngắn tuổi thọ của chúng ta. Cho nên nói: Sống một ngày là đã chết một ngày. Dù là ngày tết, ngày lễ hay ngày nghỉ cũng đều đang từng giờ, từng phút không ngừng cướp đi sinh mạng của chúng ta. Bởi thế,

cuối cùng sợi dây nhất định bị đứt. Đây là chỉ cho ‘cái chết’ đã đến.

4. Việc lớn của đời sau:

*Cuộc đời như lũ khách tha phương
Trăm năm nào khác giấc mộng trường
Vạn vật trần gian đều buông xuống
Chỉ hai tay trắng gập Diêm vương.*

Một lũ khách như chúng ta, lúc này chỉ có rơi vào biển sâu không đáy, toàn rồng độc mà thôi. Bởi vì sau khi chúng ta chết, nhất định có ‘việc lớn của đời sau’.

Biển sâu: Biển sâu trong thí dụ chính là ‘địa ngục’. Ai rơi vào đó, nhất định phải chịu ‘khổ não lớn trong tám vạn kiếp’, đây chính là ‘việc lớn đời sau’.

*Địa ngục một đời, tám vạn kiếp,
Biết đến bao giờ được thân người?*

Rồng độc: Ba con rồng độc là chỉ cho cảnh khổ ở địa ngục, cũng là chỉ cho tham dục, sân hận, ngu si của chúng ta. Vì có ‘tham dục’ nên trong tâm chúng ta tích chứa không biết bao nhiêu là nghiệp tội sát sanh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ. Vì có ‘sân hận’ nên trong lòng tích chứa không biết bao nhiêu là nghiệp sát hại. Có lúc đối với ông bà, cô dì, bạn bè, hoặc người khác, chúng ta khởi lên ý nghĩ ‘mong người mau chết cho rồi!’ v.v. Cũng bởi ‘ngu si’ mà trong tâm tích chứa không biết bao nhiêu là tội lỗi, khi bản thân gặp việc bất như ý thì uất ức, còn thấy người hạnh phúc lại sanh lòng đố kỵ, ganh ghét. Nhân quả một mảy may cũng không sai, ‘nhân thiện quả thiện, nhân ác quả ác, nhân nào quả nấy’, nên địa ngục có ra, là do bản thân chúng ta cứ mãi tạo các nghiệp ác, rồi cuối cùng vẫn là tự mình đọa lạc vào đó. Phật giáo chính là dạy cho chúng ta giải quyết việc lớn này, nhưng những lũ khách như chúng ta lại hoàn toàn bị say sưa trong vài giọt mật, mà quên rằng cái chết đang ép bức chúng ta.

Mật: Là chỉ cho ngũ dục ở thế gian như: Tiền tài, sắc đẹp, danh lợi, ăn uống và ngủ nghỉ. Trong

một ngày, chúng ta không ngừng nhớ nghĩ đến chúng, liên tục tìm cầu để có được chúng, chẳng qua cũng là muốn thỏa mãn năm món dục này. Chỉ vì mãi miết liếm mật, nên bất tri bất giác rơi xuống biển sâu, như thế chẳng phải là quá ngu si rồi sao? Chúng ta có thể phủ nhận mình không phải là lũ khách này không?

Ở đây, đức Thế Tôn khai thị cho chúng ta tướng chân thật của đời người, cũng chính là ‘việc lớn của đời sau’. Việc này từng giờ từng phút đang tiến đến gần chúng ta, đồng thời, Ngài cũng dạy cho chúng ta biết phương pháp để giải quyết nó.

Đúng vậy! Chớ để cái chết rình rập sau lưng chúng ta, mà cần phải đối diện để giải quyết nó. Khi nào giải quyết xong, thì cuộc đời chúng ta mới thật sự an tâm và toại nguyện. Chỉ có chính mình mới có khả năng mở toang cánh cửa Phật giáo để pháp môn an tâm đi vào mà thôi!

*Thân người khó được nay đã được
Pháp Phật khó nghe nay đã nghe
Thân này chẳng hướng đời nay độ
Lại hẹn đời nào độ thân này?*

Giải thích: Người đời chẳng biết, cho rằng một khi chết đi thì mọi thứ đều chấm dứt, làm gì có một thế giới nào? Họ đâu biết rằng, thế giới đó, vẫn hiển nhiên tồn tại.

*Lửa dữ địa ngục
Tự nhiên nghinh đón,
Chưa thoát luân hồi
Khó tránh đọa lạc.*

Bạn muốn hiểu rõ việc này, mời xem đoạn văn dưới đây:



Bức tranh Lửa địa ngục hiện tới

Sau khi chết sẽ ra sao?

(Bức tranh Lửa địa ngục hiện tới)

Kinh Quán Vô Lượng Thọ ghi:

*Do các nghiệp ác,
Nên đọa đường dữ,
Mạng sống sắp hết,
Các lửa địa ngục,
Cùng lúc kéo đến.*

**Quyết chớ xem thường, khi lửa dữ ập đến,
ngoài việc niệm Phật ra thì chẳng còn con đường
nào thoát khỏi.**

II. SAU KHI CHẾT SẼ RA SAO?

Đức Phật Thích-ca dùng câu ‘sinh tử nhất như’ để nói rõ giữa sự sống và cái chết có mối quan hệ mật thiết, không thể tách rời. Bất luận là ai, trong tâm cũng đều mong mỗi một cuộc sống tốt đẹp, hạnh phúc, nhưng đời sống của họ có nỗi bất an không nguôi và bóng tối luôn ngự trị, đó chính là ‘chết’.

Tất cả mọi người đều phải chết! Nếu chân thành nhìn thẳng vào sự thật này, thì cuộc đời chúng ta sẽ chìm vào trong bóng tối. Vì vậy, lúc còn sống, chúng ta ra sức lãng quên nó. Đây là tâm lý của chúng ta. Thế nhưng, cho dù chúng ta có thể quên nó, nhưng cái chết thì chẳng bao giờ quên chúng ta, hơn nữa, nó còn thành linh đến trong gang tấc! Còn như chúng ta tiếp nhận cái chết và giải quyết được nó, thì mới có được cuộc sống tươi đẹp, an vui thật sự.

Trước tiên, sau khi chết đi, con người sẽ thành cái gì? Đây là một vấn đề.

1. Có cảnh giới khác sau khi chết hay không?

Có cảnh giới sau khi chết hay không, đáp án nằm ở chỗ nào? Có người nói: “Nhất định không có cảnh giới sau khi chết, chết rồi thì không còn gì cả, chết một lần đâu thể chết hai lần!”. Phải chăng đây là lời nói xuất phát từ tâm chân thật của họ? Dĩ nhiên là chẳng phải vậy rồi.

Từ nơi xa xôi nhìn về cái chết, thì có người cho rằng chết chẳng có gì đáng sợ. Việc này giống như khi bạn ngắm con hổ bị nhốt trong lồng ở sở thú, tất nhiên, nó chẳng thể hại được bạn. Ngược lại, khi bạn thực sự đối diện với cái chết của mình, giống như đang trong núi, bất chợt gặp phải hổ, chỉ thoáng thấy nó thôi thì hai chân của bạn đã rụng rời rồi.

“Sau khi chết không có cảnh giới nào cả, cho nên chết không có gì đáng sợ”, người nói lời này, đến lúc lâm chung thì cái khí ương ngạnh kia sẽ ngay tức khắc bị thổi bay mà thôi.

2. Tướng trạng lúc lâm chung của các văn nhân học giả

Khi còn sống, triết học gia người Đức tên là Schopenhauer phủ nhận có cái cảnh giới sau khi chết, nhưng lúc bị nỗi đau khổ của lâm chung giày vò, ông liền gào to: “Ôi! Thượng Đế ơi! Thượng Đế của con ơi!”.

- Thừa ngài! Trong triết học của ngài cũng có Thượng Đế à?

Vị bác sĩ chữa bệnh, đã hỏi ông như thế.

Đến trước giờ phút lâm chung, ông thổ lộ nỗi lòng của mình:

- Khi chính mình chịu nỗi đau đớn khổ sở, cho dù trong triết học nói không có Thượng Đế thì tôi cũng không còn cách nào cả. Nếu bệnh tình tôi có thể thuyên giảm, thì điều này hoàn toàn chẳng giống gì với việc nghiên cứu.

Trước giờ phút lâm chung, nhà văn học có tầm vóc trên thế giới, tên là Goethe cũng nói: “Ôi! Trước mắt là một màn tối đen, xin cho tôi ánh sáng! Xin hãy cho tôi ánh sáng!”.

Tayama Hanabusa là vị đầu sỏ của văn học chủ nghĩa tự nhiên Nhật Bản, ông mất năm 66 tuổi. Nhà thơ Shimazaki Fujimura (Tsuzaki) hỏi ông về tâm trạng trước phút ra đi, ông thều thào trả lời: “Nghĩ đến cảnh một mình quạnh quẽ ra đi, thật sự trong lòng tôi cảm thấy rất cô đơn, lạnh lẽo!”.

Nhà văn người Nhật: Natsume Soseki vì bị viêm loét dạ dày nên ông từ giã cõi đời vào năm 50 tuổi. Vào những phút cuối cùng, ông ta lẩm bẩm một mình: “Ôi! Thật đau khổ! Bây giờ chết đi, thật là đau khổ quá!”.

3. Lửa dữ địa ngục đến đón

Trong kinh Quán Vô Lượng Thọ ghi:

*Do các nghiệp ác,
Nên đọa đường dữ,
Mạng sống sắp hết,
Các lửa địa ngục,
Cùng lúc kéo đến.*

Đức Thế Tôn dạy những kẻ làm ác lúc lâm chung nhất định có ‘lửa dữ đến đón’. Vào lúc đó, bóng tối trong tâm họ tăng lên, khi nhìn thấy một vùng tối đen có lửa dữ hùng hực dần hiện ra trước mắt, nếu trước đây ngông cuồng cho rằng ‘không có thế giới sau khi chết’, thì lúc này tâm ấy liền tan biến. Hơn nữa, lúc lửa dữ của địa ngục đến nghênh đón, họ sẽ thốt lên những tiếng kêu la thảm thiết, thê lương.

Một vị luận giả theo chủ nghĩa vô thần nổi tiếng người Pháp tên là Voltaire, vào giờ phút lâm chung ông đau đớn quằn quại, sau cùng, ông nhìn chăm chăm vào một nơi mà nói: “Xem kìa, bên đó

có quỷ dữ muốn đến bắt tôi. Chao ôi! Địa ngục kìa, khủng khiếp quá! Có ai không? Cứu tôi với!”. Đây là tiếng kêu tuyệt vọng của ông trước lúc ra đi.

Lại nữa, tại huyện Kỳ Phụ, nước Nhật, có người thanh niên tên M, vì nhìn thấy cảnh ‘lửa địa ngục đến đón’ của người bác lúc lâm chung, nên anh ta đã nỗ lực tìm cầu Phật pháp. Khi còn sống, bác anh phủ nhận có thể giới sau khi chết, lại thêm miệt thị, phỉ báng Phật pháp. Cuối đời, ông mắc phải căn bệnh vô phương cứu chữa, và vào lúc ba giờ khuya, ông đã trút hơi thở trong tiếng kêu la thảm thiết, bi thương: “Lửa đến kìa! Lửa đến kìa! Nóng quá! Nóng quá! Mang tôi trốn đi! Hãy mang tôi trốn đi!”.

Từ trước đến nay, anh thanh niên luôn nghĩ ‘lửa địa ngục đến đón’ là một câu chuyện cổ tích dành cho thiếu nhi, nhưng khi tận mắt chứng kiến cảnh địa ngục đáng sợ hiện đến, anh đã hiểu lời Phật dạy không hư dối và đời sau là việc trọng đại vô cùng đáng sợ! Từ đó về sau, anh đã thay đổi hoàn toàn, bắt đầu nghiêm túc học Phật pháp, bởi vì anh hiểu rằng con người chắc chắn có thể giới sau khi chết!

4. Nỗi khổ của địa ngục

Như vậy, sau khi chết, sẽ như thế nào?

Đức Thích Tôn dạy ‘tất cả chúng sanh, chắc chắn đọa địa ngục’, tức là khai thị tất cả mọi người đều có ‘việc lớn của đời sau’.

‘Việc lớn của đời sau’ chính là đức Thế Tôn chỉ cho tất cả mọi người ‘nếu không niệm Phật vãng sanh về cõi nước của đức Phật A-di-đà, thì tương lai nhất định sẽ đọa vào địa ngục, chịu khổ đau vô cùng vô tận’.

Đại sư Ấn Quang dạy:

*Nếu không vãng sanh Tây phương,
nhất định sẽ đọa địa ngục.*

Vào triều đại nhà Đường, đại sư Thiện Đạo dạy:

*Một phen vào địa ngục thọ khổ lâu dài,
mới nhớ thiện tri thức ở thế gian.*

Một khi thọ nhận nỗi khổ trong địa ngục, sau đó mới hối hận, lúc ở thế gian, chưa từng thân cận thiện tri thức để nghe Phật pháp, nhưng nay thì đã muộn rồi!

Thế thì vào địa ngục thọ khổ lâu dài, vậy nỗi khổ đó tới mức nào?

Tùng có vị đệ tử thỉnh đức Phật khai thị về việc này. Đức Thế Tôn hỏi ngược lại:

- Buổi sáng, buổi trưa, buổi chiều đều phải chịu trăm cây kiếm đâm vào mình, khiến cho thịt nát xương tan, đau đớn như thế, các ông nghĩ sao?

Vị đệ tử trả lời:

- Bạch Thế Tôn! Chỉ bị một mũi kiếm đâm vào mình thôi thì nỗi đau đớn đó đã khó tưởng tượng nổi rồi!

Lúc này, đức Thế Tôn nhặt một viên đá nhỏ, để trong bàn tay rồi thí dụ rằng:

- Mỗi ngày, phải chịu ba trăm cây kiếm đâm vào mình, thì sự đau đớn ấy cũng ví như viên đá nhỏ này, còn nỗi khổ phải chịu trong địa ngục, giống như sự cao lớn của Himalaya.

Những nỗi thống khổ cùng cực như thế, thật không có cách nào hình dung được!

Lửa dữ là hiện tượng báo trước, sau khi chết, nhất định đọa địa ngục.

5. Tự làm tự chịu

Nỗi khổ địa ngục cùng với lửa dữ đến đón đầu do nghiệp lực của chính mình tạo ra. Cổ đức có bài kệ răn dạy:

*Tuy không phải người thợ
Chế tạo ra lửa dữ
Mà chính mình tạo ra
Rồi chính mình lãnh thọ.*

Chỉ có giải quyết việc lớn đời sau này mới là báo ơn trọn vẹn cho cuộc đời, cũng là việc không thể không thành tựu. Đức Thế Tôn suốt bốn mươi lăm năm thuyết pháp, và trọn cuộc đời của các vị cao Tăng trong tông Tịnh Độ đều chẳng ngại khổ nhọc, khai thị việc lớn đời sau cho chúng ta.

Để giải quyết việc lớn trong đời sau thì:

*Tin nhận Di-đà cứu độ,
Chuyên xưng Di-đà Phật danh,
Nguyện sanh Di-đà Tịnh Độ.*

Như vậy, ngay trong đời hiện tại gặp được bản nguyện cứu độ của đức Phật A-di-đà, chúng ta được an tâm và đầy đủ một cách tuyệt đối, ngoài phương pháp này ra thì không còn con đường nào khác. Đây tức là ‘niệm Phật vãng sanh’.

Thế nên, ‘niệm Phật vãng sanh’ là mục đích duy nhất để chúng ta tồn tại trong cuộc đời này!

*Quyết chớ xem thường
Lửa dữ ập đến
Ngoài việc niệm Phật
Chẳng còn đường thoát.*

Giải thích: Theo như đây mà nói, niệm Phật vãng sanh, đâu chẳng phải là mục đích duy nhất tồn tại trong cuộc đời đó sao! Bạn muốn hiểu rõ việc này thì mời xem tiếp.

III. MỤC ĐÍCH CỦA ĐỜI NGƯỜI

1. Con người sinh tồn vì điều gì?

Con người vì sao được sinh ra? Vì điều gì mà tồn tại? Vì sao khổ như thế mà vẫn phải nhẫn nại để sống qua ngày? Một đời của ta trôi qua như vậy, rồi có thể kết thúc như vậy được không?

Chỉ cần là con người, thì bất kể là ai, hoặc nhiều hoặc ít đã từng có những trăn trở như thế! Trên thực tế, chỉ những ai khắc khoải suy tư về điều này, mới là người thật sự có tâm hướng đến tôn giáo, có đầy đủ thiện căn để học Phật. Hơn nữa, chỉ có những trăn trở này mới là chi phí để chi trả cho cả một đời; bất luận thế nào cũng chẳng hiểu rõ, thì chẳng thể giải quyết được ‘vấn đề căn bản của đời người’. Theo triết học, đây chính là ‘mục đích cuối cùng của đời người’.

Mọi vật tồn tại đều có mục đích của nó. Ví như cây bút dùng để viết chữ, đồng hồ dùng để xem

giờ, ly tách dùng để đựng nước, mắt kính dùng để nhìn được rõ ràng, xe cộ dùng để chuyên chở v.v.

Bất cứ thứ gì cũng đều có mục đích riêng để tồn tại.

Thế thì ‘con người’ vì mục đích gì mà tồn tại?

‘Con người’ được gọi là động vật có lí tánh ‘tối linh trong vạn vật’. Nếu sống mà không biết được mục đích của đời người, thì không khác nào ‘không có lí tánh’, ‘vứt bỏ nhân cách’, có thể nói đã đánh mất ý nghĩa sinh tồn!

Nếu đem đời người ví như một chuyến đi, thì chúng ta là những lữ khách. Mỗi lữ khách đều có mục đích của mình. Nếu chúng ta không biết mục đích của đời người, thì giống như kẻ lữ khách không biết đích đến. Nếu đời người không có mục đích, thì sự sinh tồn cũng chẳng có mấy may ý nghĩa.

Cũng như khi cây bút hoặc đồng hồ bị hư, chiếc ly hay mắt kính bị vỡ v.v., chúng đã không

còn sử dụng được, thì cũng mất đi ý nghĩa tồn tại, chỉ còn cách đem vứt chúng vào thùng rác mà thôi.

Lại như một chiếc xe thương hiệu sang trọng thế nào, nếu đem bàn luận với người không biết cách sử dụng và không biết mục đích của nó, thì bất quá họ xem nó chỉ là một đồng phế liệu. Chỉ những ai biết mục đích và cách sử dụng chiếc xe đó thì mới có thể trải nghiệm được sự sang trọng của nó.

Người không biết rõ mục đích và phương pháp, thì sẽ không biết được sự khó khăn và giá trị khi được tồn tại trong cuộc đời.

Đa phần mọi người sẽ mang bộ mặt lạc quan, mỉm cười để sống qua ngày, nhưng cũng có khi, nơi nội tâm sâu kín đột nhiên có cảm giác ‘đời người rỗng không’. Đây chính là vì anh ta không biết được nguyên nhân ‘mục đích cuối cùng của đời người’.

Song, hầu hết mọi người đều nhận thức sai lầm rằng ‘bản thân vốn có mục đích sinh tồn’. Người nam lấy việc nỗ lực làm việc, nuôi dưỡng gia đình

no đủ làm mục đích của anh ấy. Người nữ lấy việc chăm sóc nhà cửa, nuôi dạy con cái làm mục đích của cô ấy. Riêng hàng quý tộc độc thân, họ lấy sự tự do, thoải mái làm mục đích cho mình.

Hơn nữa, người đời tham vọng vô cùng: Tiền tài, danh lợi, địa vị, v.v., rất nhiều thứ. Người bình thường sẽ hiểu nhầm rằng theo đuổi, tìm cầu những thứ này là mục đích của cuộc đời họ.

2. Điều kiện của mục đích đời người

Nói theo Phật pháp, cái được xem là điều kiện ‘mục đích của đời người’, chính là ‘chỉ cần thành tựu, dù chết cũng được’.

Khi vì mục đích nào đó, mà phải đạt đến mục tiêu đã đặt ra thì nhất định là làm tới khi đạt được mục đích đó mới thôi, nếu chưa đạt được thì sẽ không từ bỏ!

Như người đi đến chợ để mua đồ, nếu không mua được đồ thì sẽ không về nhà. Một khi người

ấy đã mua được đồ rồi, thì lúc nào về cũng đều được cả.

Lại như có người vào tiệm cơm, khi ăn chưa no, ắt sẽ không bằng lòng rời khỏi quán. Một khi đã ăn no rồi, thì lúc nào rời khỏi quán đều rất hài lòng.

Cũng giống đi đến lớp học lái xe, nhất định là phải học cho đến khi lấy được tấm bằng mới thôi, nếu không, không thể dang dở nửa đường!

Giống như những ví dụ này, đem mục đích và nơi chốn ra đối chiếu với đời người, dù chúng ta mang mục đích gì mà sanh đến ‘cõi người’, nếu đã đạt được rồi, thì bất kì thời gian nào rời khỏi ‘cõi người’ trong tâm đều an ổn. Nghĩa là ‘mục đích đã đạt được, lúc nào chết trong lòng đều mãn nguyện’.

Đức Thế Tôn nói:

*Nếu người sống trăm tuổi,
Không biết pháp sanh diệt,
Chẳng bằng sống một ngày,
Mà hiểu rõ pháp ấy.*

Mặc dù sống lâu tới trăm tuổi, nhưng nếu không đạt được mục đích của đời người, thì vẫn không bằng người chỉ sống một ngày mà đạt được mục đích. Cũng tức là, nếu có thể hoàn thành mục đích đời người, dù sống một ngày cũng được.

Đức Khổng tử nói:

Sáng nghe đạo, tối chết cũng được.

Buổi sáng đã đạt được mục đích của đời người, tuy đến chiều tối trải qua thời gian ngắn ngủi như thế mà phải chết, thì cũng vừa lòng thỏa dạ rồi!

Những người tìm cầu mục đích như vậy, cần có cái gì để đáp ứng điều kiện này?

Nếu đạt được tiền tài, danh lợi, địa vị, thì con người có chết hay không? Có thể mỉm cười mãn nguyện mà rời khỏi thế gian không? Thật ra, những thứ này cũng không khiến chúng ta thấy thỏa mãn được! Đâu chỉ như vậy, mà còn là ‘vạn vật trần gian đều buông xuống, chỉ hai tay trắng gắp Diêm vương’. Đây gọi là ‘muôn thứ không mang được, chỉ có nghiệp theo mình’. Thế nên,

đức Thế Tôn diễn tả tâm trạng của người bình thường lúc lâm chung là:

*Mạng sống sắp hết thì sợ hãi và hối hận
cùng lúc kéo đến.*

3. Kệ đản sanh của đức Thế Tôn

‘Mục đích cuối cùng của đời người’: Khi đức Phật Thích-ca Mâu-ni đản sanh, Ngài đã tuyên nói và đã hiển bày triết để.

Phật giáo là tôn giáo nói về ‘mục đích của đời người’, qua bài ‘kệ đản sanh’ của đức Thế Tôn có thể thấy được điều đó.

Vào ngày mồng 8 tháng 4, cách đây hơn 2600 năm về trước, đức Thế Tôn đã đản sanh tại vườn Lâm-tì-ni thuộc miền Bắc nước Ấn Độ.

Khi hạ sanh, mỗi phương đông, tây, nam, bắc Ngài đều bước đi bảy bước. Đồng thời, tay phải chỉ trời, tay trái chỉ đất mà nói: “Thiên thượng thiên hạ, duy ngã độc tôn” (Trên trời dưới trời, chỉ có Ta là tôn quý).

Trong *kinh Tu hành bản khởi* và các kinh điển của Phật giáo đều có ghi lại, đây là bài ‘kệ đàn sanh’ nổi tiếng.

Bài kệ này có thể giải thích theo nhiều cách khác nhau, nhưng chủ ý của đức Phật là chỉ bày ‘mục đích của đời người’.

Từ ‘duy ngã’ trong câu ‘duy ngã độc tôn’, không phải chỉ để nói tới đức Phật Thích-ca, mà còn chỉ cho ‘mỗi cá nhân trong loài người’. ‘Độc tôn’ là nêu ra ‘chỉ có một sứ mệnh tôn quý’.

Do vậy, ý nghĩa chân thật của câu ‘thiên thượng thiên hạ, duy ngã độc tôn’ là: “Trên trời dưới trời tuy bao la vô hạn, nhưng chỉ có nhân loại chúng ta mới có một mục đích cao cả và một sứ mệnh thiêng liêng duy nhất”.

Bài ‘kệ đàn sanh’ này chính là đại tuyên ngôn có liên quan đến ‘mục đích cuối cùng của đời người’.

Như vậy, Phật giáo nói ‘mục đích thọ sanh trong cõi người’ là gì? Hành động ‘hướng về bốn

phương, mỗi phương đi bảy bước' của đức Phật Thích-ca lúc đản sanh đã ngầm nói lên điều đó.

Sáu bước, thêm một bước nữa liền thành bảy bước. 'Sáu bước' là chỉ cho thời gian từ dài lâu cho đến hôm nay, chúng ta vẫn lưu chuyển trong sáu cõi sanh tử luân hồi, tức là 'sáu đường'. Còn 'bảy bước' là từ trong sáu đường mê lầm, luân hồi thống khổ, liền bước tiếp một bước nữa, thì sẽ đạt được sinh mạng bất sanh bất diệt, tự do tự tại, giải thoát luân hồi.

Sáu đường gồm:

1. Địa ngục: Trải qua thời gian dài triền miên không thể tính kể, thọ mọi thống khổ không cách nào diễn tả được.
2. Ngạ quỷ: Trong năm trăm đời phải chịu cảnh khổ đói khát, không được nghe đến tên gọi của nước, sữa.
3. Súc sanh: Loài mạnh ăn thịt loài yếu, sau cùng bị nổi khổ đao thớt phanh thây, nấu rang chiên xào.

4. Người: Thế giới của loài người, năm ấm lấy lòng, tám thứ khổ cùng nhau nung nấu.

5. A-tu-la: Chúng sanh trong cõi này, tâm sân hận mãnh liệt, thường xuyên xảy ra tranh đấu.

6. Trời: Tuổi thọ rất lâu, toàn hưởng niềm vui, nhưng đến lúc sắp mạng chung thì năm tướng suy hiện ra, nỗi thống khổ của họ còn hơn trong địa ngục.

Sinh mạng của chúng ta từ vô thủy kiếp lâu xa đến nay luôn bị mê hoặc bởi nỗi khổ của sáu đường, chưa từng được giải thoát.

Đức Thế Tôn thường nói: “Từ khổ vào khổ, từ tối vào tối”. Cõi người trong hiện tại đã là khổ, địa ngục sau khi chết lại càng khốc liệt hơn.

Thế nên, đức Thế Tôn mong mỏi chúng ta sớm dứt lòng phát khởi tâm ‘ra khỏi cõi mê’, để tìm cầu sinh mạng vĩnh hằng. Đây chính là ‘tâm xuất ly’ mà chúng ta cần phát khởi.

4. Một cơ duyên thù thắng trong hàng vạn ức năm

Chỉ có ở ‘cõi người’ mới có khả năng nghe Phật pháp. Vì thế, cõi người là cơ duyên rất tốt, nơi để thoát ly tất cả các khổ não.

Song, đức Thế Tôn cũng nói: “Thân người khó được”, có thể sanh đến nhân gian là việc cực kì hi hữu.

Trong kinh *Tạp a-hàm*, đức Thế Tôn dùng một ví dụ nổi tiếng ‘rùa mù bọng cây’ để nói rõ sự khó được này. Đại ý của đoạn ấy như sau:

Dưới đáy biển lớn có một con rùa bị mù cả hai mắt, tuổi thọ vô lượng, cứ một trăm năm mới có cơ hội trời đầu lên mặt biển một lần. Trong biển có một bọng cây, giữa bọng cây có một cái lỗ, con rùa mù ấy có thể chui vào cái lỗ đó chăng? Trải qua hàng ức năm, hàng vạn ức năm, cũng là việc mà nó khó có thể làm nổi. Song, từ nơi ba đường

*ác mà muốn sanh đến cõi người còn khó hơn so
với việc này.*

Trong kinh Niết-bàn cũng nói:

*Kẻ đọa vào ba đường ác như đất nơi đại địa,
còn được sanh vào cõi người như đất trên
móng tay.*

Bất luận thời gian hay số lượng kể trên mà nói, đều chứng tỏ là ‘thân người khó được’. Chính vì điểm này, cách đây khoảng một nghìn năm về trước, ở Nhật Bản có một vị cao tăng là Nguyên Tín thượng nhân đã có bài pháp ngữ khai thị, nói rất thống thiết niềm vui khi được sanh làm người.

*Lìa ba đường ác, sanh vào nhân gian nên
sanh tâm vui mừng.*

*Bản thân tuy hạ tiện nhưng không thấp kém
như loài súc sanh.*

*Gia cảnh ta dù nghèo nàn, nhưng vẫn hơn
loài ngựa quý.*

*Công việc tuy không vừa ý người, cũng khó
sánh với nỗi khổ trong địa ngục.
Những khó khăn ở thế gian mang nhiều nỗi
ưu phiền, chính là duyên xuất thế.*

*Thân tuy hèn hạ không cao quý, cũng là lối
dẫn vào đạo Bồ-đề.
Cho nên, sanh vào nhân gian là việc đáng để
vui mừng.*

Cổ đức cũng nói:

*“Một phen mất thân người, muôn kiếp khó được lại”,
chính là để cảnh tỉnh chúng ta, một khi đọa vào ba
đường ác, thì dầu trải qua hàng ức năm, hàng vạn
ức năm cũng chưa chắc có thể sanh trở lại ‘cõi
người’.*

Cũng vậy, ‘chúng sinh’ đã sanh vào ‘loài người’
trong ‘cõi người’, có cơ duyên tốt như vậy, sao lại
có thể để những ngày tháng nhạt nhẽo trôi qua mà
‘không biết sống vì điều gì?’, ‘cuộc sống thật trống
rỗng vô vị!’, ‘cuộc đời của tôi thế nào cũng được!’.

Mục đích sanh đến ‘cõi người’ của chúng ta, đã
được đức Thế Tôn nhấn mạnh và khai thị rõ ràng,

chính là ‘nương vào Phật pháp để ra khỏi sáu nẻo luân hồi’.

Cuộc đời này rất ngắn ngủi, đời sau thì dài vô cùng vô tận. Mượn thời gian ngắn ngủi trong mấy mươi năm để tìm cầu sinh mạng vĩnh hằng, bất sanh bất diệt, đó chính là ‘mục đích của đời người’.

Vậy thì, nương theo Phật pháp như thế nào, để từ trong lục đạo bước vọt một bước nữa, thoát ra khỏi lục đạo luân hồi? Đây là điều trọng yếu mà Phật pháp nói đến.

Giáo pháp đức Thế Tôn tuyên nói trong một đời, chia làm hai loại: Thánh đạo môn và Tịnh Độ môn. Trong đời ác ngũ trược này, lại là thời đại mạt pháp, căn tánh con người hạ liệt, trí lực ngu ám, Thánh đạo khó tu trì, Tịnh Độ dễ thực hành. Chẳng kể tăng tục, hiền ngu, thiện ác, nam nữ, già trẻ, chỉ cần tin nhận sự cứu độ của đức Phật A-di-đà, chuyên xưng danh hiệu của đức Phật A-di-đà và nguyện sanh về cõi Tịnh Độ của đức Phật A-di-đà, thì vĩnh viễn được nhiếp thủ trong ánh sáng của Ngài. Nghĩa là: Nương vào bản nguyện của

đức Phật A-di-đà, bất luận bạn là người thiện hay kẻ ác, chỉ xem bạn chịu tin nhận hay nghi ngờ. Một khi đã tín nguyện niệm Phật, thì chẳng kể thiện hay ác, đều được nhiếp thủ trong ánh sáng của đức Phật. Lúc sống, đã được nhiếp thủ trong ánh sáng của đức Phật A-di-đà, chết rồi thì nhập vào cõi vô lượng quang minh của đức Phật A-di-đà, được tuổi thọ vô lượng và thân tâm tự tại, vĩnh viễn lìa khỏi luân hồi, chẳng có các khổ não, thì sao không vui được chứ!

Chú thích:

Niềm vui ở Cực Lạc, vui không thể ví được; nỗi khổ ở địa ngục, khổ chẳng nói nên lời. Chuyên xưng danh hiệu Phật, nhất định sanh về Tịnh Độ; nếu chẳng chịu niệm Phật, sẽ đọa vào địa ngục.

Xin xem kỹ ở các bài: ‘Đức Phật tả cảnh địa ngục’, ‘Thử nghiệm của người lâm chung’, ‘Niệm Phật phóng quang’, và ‘Niệm Phật vãng sanh’ v.v.

IV. KINH CHÚNG:

ĐỨC PHẬT TẢ CẢNH ĐỊA NGỤC

1. Văn ‘Chư Phật mười phương xả bỏ chúng sanh căn tánh ác’

Trong kinh *Bi hoa* quyển 6 có ghi:

*Chúng sanh bị một nghìn lẻ bốn đức Phật
buông bỏ, là những chúng sanh phiền não
sâu nặng, chuyên làm những nghiệp ác.*

*Những chúng sanh như vậy, các cõi Phật đều
không dung nạp.*

*Những chúng sanh như vậy, dứt các căn lành,
xa lìa thiện tri thức, thường ôm lòng sân hận,
đầy dẫy khắp cõi Ta-bà, đều bị các cõi Phật ở
phương khác bỏ rơi, do vì nghiệp quá nặng.*

(Đại Chánh tạng [3. 204])

2. Văn ‘Phật nói ‘ba nghiệp làm ác, ắt đọa địa ngục’

Trong kinh Phật thuyết thiết thành Nê-lê có ghi:

*Người sống ở thế gian, thân tạo việc ác, miệng nói lời ác, tâm nghĩ chuyện ác;
thường ưa thích sát hại, cúng bái quỷ thần,
sau khi chết sẽ đọa vào địa ngục Nê-lê.*

(Đại Chánh tạng [1.826])

Trong kinh Phật thuyết Diêm-la vương ngũ thiên sứ giả có ghi:

*Người mà thân làm điều ác, miệng nói lời ác,
tâm nghĩ chuyện ác, hủy báng các bậc thánh
hiền, nhìn điều tà vạy, làm việc tà vạy;
khi tuổi thọ người ấy hết, liền đọa đường ác,
vào địa ngục Nê-lê.*

(Đại Chánh tạng [1.828])

3. Văn đức Phật ví dụ ‘nỗi thống khổ ở địa ngục’.

Trong kinh Phật thuyết Nê-lê có ghi:

Đức Phật dạy:

- Giả sử để cho người ác, có đôi mắt như đôi mắt của Ta, người ấy thấy kẻ ác đi đến chỗ tra khảo, hành hình, trong lòng sợ hãi, suy sụp, hộc máu mà chết.

Đức Phật nói:

- Muốn biết sự thống khổ tội độ không thể nhận chịu được, chỉ có địa ngục Nê-lê. Địa ngục Nê-lê là nơi đau khổ cùng cực, chẳng thể nói hết được.

Các vị tì-kheo quỳ xuống thưa:

- Chúng con mong được nghe ví dụ về sự đau khổ trong địa ngục Nê-lê.

Đức Phật nói:

- Ví như quan lại bắt được kẻ nghịch tặc, đem

đến trước vua và thưa: “Kẻ này phản nghịch, nghĩ việc ác hại nước nhà”. Vua lệnh cho quan lại dùng mâu đâm một trăm nhát. Ngày hôm sau, vua hỏi quan lại:

- Kẻ đó thế nào rồi?

Quan thưa:

- Hắn ta vẫn còn sống.

Vua nói:

- Đâm tiếp một trăm nhát nữa.

Đức Phật bảo các vị tì-kheo:

- Người này bị đâm ba trăm vết thương như vậy, thì trên thân hắn có chỗ nào còn nguyên vẹn lớn như lá táo không?

Các vị tì-kheo thưa:

- Không có chỗ nào còn nguyên vẹn.

Đức Phật bảo các tì-kheo:

- Người này bị đâm ba trăm nhát, vậy có đau đớn không?

Các vị tì-kheo đáp:

- Người ta bị đâm một nhát thôi, thì toàn thân đều đau đớn, huống chi bị đâm tới ba trăm nhát.

Đức Phật nhặt một viên đá nhỏ đặt vào bàn tay, rồi khai thị cho các tì-kheo:

- Viên đá này lớn hay núi Thái lớn?

Các vị tì-kheo thưa:

- Viên đá trong tay đức Phật nhỏ, làm sao có thể đem sánh với ngọn núi; muốn đem so với ngọn núi, cho dù ỨC ỨC VẠN LẦN, còn chẳng thể bằng với núi lớn được.

Đức Phật dạy:

- Sự đau đớn khi bị mâu đâm, hàng ỨC ỨC VẠN LẦN cũng không thể sánh bằng sự đau đớn trong địa ngục Nê-lê. Viên đá nhỏ trong tay Ta, giống như vết thương của ba trăm mũi mâu, còn ngọn núi thì giống như sự thống khổ trong địa ngục Nê-lê.

*Kẻ ngu si tâm nghĩ ác, miệng nói lời ác, thân
làm việc ác, sau khi chết đọa vào địa ngục
Nê-lê.*

(Đại Chánh tạng [1.907])

4. Văn đức Phật kể về ‘Rùa mù và bông cây’

Trong kinh Tạp a-hàm, trang 406 có ghi:

*Tôi nghe như vậy: Một thời, đức Phật trú ở giảng
đường Trùng Các, bên bờ ao Di Hẫu. Bấy giờ,
đức Thế Tôn bảo các vị tì-kheo:*

*- Ví như đại địa đều biến thành biển lớn, có
một con rùa bị mù, tuổi thọ vô lượng kiếp, cứ
một trăm năm nó mới trồi đầu lên một lần.
Trong biển có một bông cây chỉ có một cái lỗ,
nó dập dềnh trên sóng biển, theo chiều gió mà
trôi dạt sang phía đông, phía tây. Một trăm
năm, con rùa mù mới trồi đầu lên một lần,
nó sẽ chui vào cái lỗ đó được chăng?*

Ngài A-nan thưa đức Phật:

- Thưa đức Thế Tôn, không thể! Vì sao? Vì con rửa mù ấy nếu đến bờ biển bên đông, thì bông cây theo chiều gió, có khi trôi sang bên tây; nam, bắc bốn phương, vòng quanh cũng vậy, nó chẳng thể gặp được.

Đức Phật bảo A-nan:

- Con rửa mù và bông cây dù cho có sai lệch với nhau, nhưng cũng có lúc gặp được; còn phàm phu ngu si trôi lăn trong năm đường, nếu tạm được thân người, thì việc này lại còn khó hơn rửa mù ấy gặp được bông cây.

(Đại Chánh tạng [2.108])

Trong kinh Phật thuyết địa ngục Nê-lê có ghi:

Đức Phật nói:

- Con người ở nơi ba đường ác khó được thoát khỏi. Ví như biển cả có chu vi 84000 dặm¹ có một con rùa mù ở trong đó, trên mặt nước có một bông cây, có một cái lỗ. Con rùa đó một trăm năm mới trôi đầu lên một lần, nó có thể chui vào cái lỗ của bông cây chăng?

Các vị tì-kheo thưa:

- Trăm nghìn vạn năm, còn sợ rằng còn không gặp được bông cây. Vì sao? Có lúc bông cây ở bên đông, con rùa lại ở bên tây, có lúc bông cây ở bên tây, con rùa lại ở bên đông, có lúc bông cây ở bên bắc, con rùa lại ở bên nam, có lúc con rùa vừa trôi đầu lên, bông cây đã bị gió thổi vào đất liền.

¹ 里: Lý: Dặm: Đơn vị đo chiều dài ngày xưa, tương đương với 500m hiện nay. Biển rộng 84.000 dặm, tương đương với 42.000km.

Đức Phật dạy:

- Con rùa mù đó một trăm năm mới trời đầu lên một lần, còn có lúc chui vào được lỗ hổng của bọng cây; nhưng con người ở trong ba đường ác, mà được sanh lại làm người còn khó hơn.

(Đại Chánh tạng [1.907])

V. SỰ CHUNG: THỂ NGHIỆM CỦA NGƯỜI LÂM CHUNG

1. Pháp sư Hằng Nghiêm đích thân thấy nghe cảnh địa ngục

Trong thời kỳ chiến tranh giữa Nhật Bản và Trung Quốc, máy bay của Nhật bay loạn xạ trên quê hương huyện Ngạc Thành, tỉnh Hồ Bắc của tôi. Khi ấy, tôi 22 tuổi, cha mẹ dắt anh chị em tôi, chị dâu và đứa cháu theo cùng. Vốn dĩ chúng tôi định tới ga Hạ Thăng Kiều để đi tàu hỏa đến Trùng Khánh, nhưng cuối cùng do mẫu thân không chịu nổi sự sợ hãi, đã kiệt sức và qua đời trên đường đi! Chúng tôi lại còn bị thất lạc cha nên tôi, anh trai và chị dâu ẩn náu ở làng Kim Ngưu. Ngày ngày, chúng tôi đều nhớ nghĩ về cha mẹ mình, không biết họ đang ở nơi đâu. Vì thế, hằng đêm chúng tôi ngược lên bầu trời nhìn ánh trăng cầu nguyện, lòng đau đáu không biết phải làm sao mới có thể biết được chỗ của cha mẹ!

Ba hôm sau, vào một buổi chiều quang đãng, vì nhớ nghĩ đến cha mẹ, đau buồn áo não nên tôi liền ngủ thiếp đi. Bất chợt, tôi thấy một vị xuất gia trang nghiêm, tay cầm cây phất trần và nói với tôi:

- Đi nào!

- Đi đâu thế ạ?

Vị ấy nói:

- Chẳng phải người muốn gặp cha mẹ sao? Ta dẫn người đi!

Hơn nữa, Ngài còn bảo tôi đi trước, tôi mời vị đó đi trước, nhưng vị ấy khẳng khẳng bảo tôi phải đi, vì không muốn làm trái ý nên tôi đành bước đi. Trên đường đi, tôi chỉ thấy cỏ xanh biêng biếc như thảm, mọc thẳng hàng và tươi tốt hai bên đường. Chẳng bao lâu, trước mặt tôi hiện ra một bức tường thành, cửa thành vừa to lại vừa cao, phải ngẩng đầu lên để nhìn, trên cổng sắt của thành đóng rất nhiều loại đinh cỡ lớn.

Tôi và vị ấy bước vào, phía sau cánh cổng là một căn nhà có cửa sổ lớn bằng pha lê. Vị ấy bảo tôi đợi một lát, để ngài đi đăng ký. Tôi thắc mắc:

- Sao phải đăng ký?

Vị ấy đáp:

- Người còn phải trở về nữa chứ!

Trong lúc vị ấy đăng ký, tôi nhìn thấy một cậu thanh niên mặc quần lửng, áo ngắn cổ rộng bằng chất liệu vải pôpolin² màu trắng sọc xanh cũng tới đăng ký. Nhìn thoáng qua, đó chẳng phải là người anh họ con dì sao? Tôi mừng rỡ reo lên: “Anh ơi! Anh ơi!”. Quái lạ! Vì sao anh ấy giống như chẳng thấy chẳng nghe, chẳng hay chẳng biết, như không

² **Vải pôpolin:** 府绸 (TA: Broadcloth Broadcloth): Thường được gọi với cái tên vải poplin - là một loại vải dệt được dệt rất chặt chẽ với hình thức đơn giản, màu sắc của vải poplin có độ sáng vừa phải làm cho chiếc áo trở nên đẹp và nhìn rất sang trọng. Vải poplin là một loại vải áo sơ mi rất phổ biến. Với chất liệu phẳng, mịn, không có hoa văn. Poplin là sự lựa chọn cho những ai thích kiểu áo đơn giản không có hoa văn cầu kì trên áo. Đặc biệt vải trắng của Broadcloth có thể hơi trong suốt. Broadcloth (vải poplin) thường mặc mượt, mịn nhất trong tất cả các loại vải tuy nhiên vì kết cấu này mà cũng có thể dễ bị nhăn nheo nhất.

có chuyện gì xảy ra vậy. Vị xuất gia đó làm xong, quay lại dẫn tôi đi tiếp.

Đi chẳng bao xa, tôi nhìn thấy một đồng cỏ mênh mông, có các loài vật bốn chân như trâu, ngựa, heo, dê, nai đang nằm trên đó, nhiều không thể tính kể. Những con trâu bên đường đều giương mắt nhìn, khiến tôi sợ hãi không dám bước nữa. Vị xuất gia đó liền dùng cây phát trần phẩy một cái, chúng đều quay mặt vào trong. Tôi ngạc nhiên thầm nghĩ, hóa ra những con vật này vẫn còn sống! Lại đi tiếp về phía trước, tôi thấy một khu rừng rậm rạp, trên cây có rất nhiều giống chim xinh đẹp với đủ loại màu sắc và chủng loại, ở dưới thì rất nhiều loài cầm thú hai chân như gà, vịt, ngan, ngỗng, v.v.

Lại đi tới phía trước không lâu, tôi thấy chị họ con của cô tôi, thân thể trần truồng, chỉ có che một mảnh vải trắng ở khoảng giữa eo và hông. Chị đang ngồi trên một tảng đá, ôm một đứa bé, mái tóc xõa xuống lưng, dài ngang eo, gương mặt giống như vừa mới ngủ dậy chưa rửa, nơi khóe mắt vẫn còn dính ghèn. Tôi kêu lên: “Chị ơi! Chị ơi!”,

nhưng giống như thế chị cũng chẳng hề nghe biết gì, cũng chẳng ngoảnh đầu lại. Tôi chẳng biết làm gì, lại bước đi tiếp, còn vị xuất gia đó vẫn đi phía sau. Cách đó không xa, tôi thấy một ống khói sắt nóng rất lớn, có người đang ôm chặt lấy nó, giống như bị thạch cao dán dính vào. Vừa nhìn thấy, tôi thốt lên: “Đây là thiếu gia lán giếng của chúng tôi phải không? Sao cậu ấy lại chịu khổ ở đây thế này?”.

Vị xuất gia đó nói:

- Cậu ấy hủy phạm con gái nhà người khác (tức là dụ dỗ người nữ), nên phải chịu tội báo như thế!

À! Khi còn sống, gia đình cậu ấy buôn bán gỗ, rất giàu có, nghe đâu cả kho chất đầy thỏi bạc, cũng hay giúp đỡ người nghèo khó, khổ sở. Văn chương của thiếu gia rất hay, tiếp người đối vật cũng rất thoải mái, cởi mở, nhưng cậu lại không biết gì về tội ác của sắc dục, nên phải tự mình nhận chịu quả báo. Thế thì chúng ta có thể không cẩn thận sao!

Tôi lại đưa mắt nhìn về phía trước, chao ôi! Một con quỷ mặt xanh tay đang cầm chĩa sắt lớn, đâm vào người, xong ném họ lên núi đao, khiến đầu và thân người ấy đều tan nát, bụng thì bể, nội tạng chảy ra ngoài. Lại có quỷ dạ-xoa mổ bụng, moi tim, móc mắt, có móc sắt kéo lưỡi, chảo dầu lớn chiên nấu người; có quỷ còn dùng cửa sắt xẻ đôi người từ trên đầu xuống thành hai phần, lôi họ lộn nhào trong cối đá lớn, xay nghiền đến nổi máu me lai láng. Trong đó, lại có những tiếng gào thét, khóc lóc thảm thiết, đau đớn rùng rợn phát ra khiến tôi không dám mở mắt nhìn, không dám lắng nghe, lòng dạ cứ run lên cầm cập! Tôi không hỏi vị xuất gia đó mà tự ngẫm: “Đây là những chúng sanh làm ác, đang phải thọ nhận những quả báo đau đớn tái tê. Chao ôi! Chúng sanh! Chúng sanh ời! Đáng thương thay! Đáng xót thay!”.

Tôi thật sự chẳng muốn nhìn lại những cảnh tượng thế này nữa. Ngay lúc đó, bên cạnh có một con đường tự nhiên xoay ngang qua, vị ấy giục tôi: “Đi! Đi thôi! Đi một đường thôi!”. Tôi đi theo lời chỉ dẫn ấy, bước vào bên trong một căn nhà. A! Bất chợt tôi trông thấy mẫu thân đang ngồi trên

chiếc giường, em gái tôi cũng đang ngồi cạnh mẹ. Tôi vui mừng khôn xiết, reo lên: “Mẹ ơi!”, rồi vội vã chạy về phía mẫu thân, muốn tiến sát lại chỗ mẹ ngồi, nhưng lần nào tôi cũng bị hụt, không thể tiến lại gần được, còn mẫu thân thì dường như không hề hay biết chuyện gì. Trong lòng tôi rất buồn, cho rằng mẫu thân chỉ thương mỗi mình em gái, chẳng hề nhớ còn có người con gái như tôi, cũng chẳng biết tôi nhớ bà dường nào!

Lúc ấy, vị xuất gia đó lại bảo tôi đi về phía trước, không biết làm thế nào, buộc lòng tôi phải đi tiếp! Vị ấy nói:

- Đi gặp anh trai người nào!

Tôi hỏi:

- Anh ấy chẳng phải đang ngồi trong ngục sao?

Vị ấy đáp:

- Anh ta không phạm lỗi lầm gì lớn, chỉ là con cái anh ta bất hiếu mà anh ta chẳng chịu gia tâm dạy bảo, chẳng tận lực làm tròn trách nhiệm của bậc trưởng phu mà thôi.

Qua đó không xa, chúng tôi đến một tòa lầu, tôi biết là anh mình đang ở trên đó, nên tôi bước lên cầu thang, liền thấy anh ấy đang ngồi trước bàn và quay bàn tính. Tôi phấn khởi gọi: “Anh ơi! Anh ơi!”. Nhưng anh cũng giống như anh họ, chị họ, mẫu thân và em gái mà tôi đã gặp khi trước, cũng chẳng hề hay biết gì.

Vị ấy lại giục:

- Đi nào! Đi nào! Đi thôi nào!

Hình như đi được một đoạn cũng khá dài, tôi cảm giác quang cảnh nơi đây vô cùng đẹp đẽ, thanh tĩnh, rộng lớn và bình yên, chính tôi cũng thấy khoan khoái, tự tại. Tôi vào trong một tòa nhà lớn, rực rỡ ánh sáng sắc vàng, xung quanh là những ô cửa trong suốt, chỉ thấy mỗi phụ thân đang ngồi thiền trong đó. Thấy tôi đến, ông hỏi: “Con đến làm gì?”. Tôi chưa kịp trả lời, thì vị xuất gia đó gật đầu ra dấu cho phụ thân, phụ thân cũng gật đầu lãnh hội ý chỉ của vị ấy. Tôi nói với phụ thân: “Con không đi nữa đâu!”, rồi mừng rỡ ngồi xuống bên phải ông. Phụ thân tuy chưa nói lời nào, nhưng hình như ông đã biết tôi đã đi đến những

đâu. Ở bên phụ thân chưa đầy một khắc, thì vị xuất gia đó lại ra hiệu cho tôi phải đi. Chẳng còn cách nào khác, tôi lại phải đi tiếp!

Đi chẳng bao xa, chúng tôi đến trước một cây cầu, chiều rộng của nó khoảng chừng bốn, năm tấc. Vừa mới đặt chân lên cầu, tôi vội rút lại. Sợ! Sợ! Vị xuất gia đó liền lay nhẹ cây phất trần và khuyên: “Đừng sợ!”. Tôi lại bước lên tiếp, lúc này, dường như cây cầu rất kiên cố, chẳng còn dao động nữa, rồi tôi đi thẳng về phía trước. Chợt nhìn xuống dưới cầu, thì chao ôi, một dòng sông máu đỏ au, trong đó có rất nhiều người đang nhoi nhúc, ngo nguậy, chẳng phân biệt rõ là nam hay nữ; tất cả đều không mặc y phục, lại có răn quấn quanh thân, nhúc nhích cử động. Tôi hỏi vị ấy:

- Đây là quả báo của tội gì?

Vị ấy đáp:

- Đây là quả báo của tội dâm dục, sinh đẻ để máu làm nhơ ao hồ!

- Vậy phải làm sao ạ?

- Tu hành đi!

- Phải tu thể nào ạ?

- Đừng nên sanh con cái! Chớ làm các việc ác, vâng làm các việc lành!

Tôi dường như đã hiểu rõ, liền “ạ!” một tiếng.

Đi về phía trước không xa, tôi nhìn lại bên dưới, thì chao ôi! Một màu xanh thăm thăm! Đây là nước hay trời? Ngẩng đầu lên nhìn, trời nước một màu, chẳng khác nào ngày hè ở Vạn Phật Thánh Thành, trời quang vạn dặm, xanh và trong vắt. Đang lúc say sưa ngắm nhìn thì vị xuất gia đó đẩy tôi một cái, thân thể tôi như quả bóng da, lún lông lốc về phía trước, đến nỗi tâm trí và tinh thần tôi đều kinh sợ. Vừa mở mắt ra, tôi thấy mình đang tựa trên đầu giường, mồ hôi đầm đìa, ướt cả áo quần, tim vẫn còn đập thình thịch! Hóa ra là mộng! Hồi tưởng lại cảnh mộng thì rõ ràng như thật!

Năm Dân Quốc thứ 34 (1945), cuộc kháng chiến Nhật thắng lợi, đất nước hòa bình. Tôi về lại quê hương, nơi mái nhà cũ. Khi lên tầng ba vào khách đường—nơi thờ tự các linh vị, thì quả nhiên

có cả ba bài vị của anh họ, chị họ và anh trai của tôi ở đó. Cô và chị dâu kéo tay tôi khóc lóc, kể về chặng đường sau ngày ly biệt. Ban đầu, tôi an ủi họ, đợi đến khi họ hết khóc mới hỏi han:

- Anh họ của con khi chết có phải mặc quần lửng, áo ngắn cổ rộng, bằng chất liệu vải pôpôlin màu trắng sọc xanh không ạ?

Cô tôi bàng hoàng nắm lấy tay tôi và nói:

- Con trai, con không thể chết! Làm sao con biết vậy?

Tôi nói:

- Con đã nhìn thấy họ! Sao cô không mặc quần áo cho chị họ vậy ạ?

Cô lại nói thêm lần nữa:

- Con à! Con không thể chết! Con sẽ không chết! Thần minh phù hộ cho con được bình an vô sự!

Rồi tôi kể lại cho mọi người nghe về chặng đường tôi đã xuống âm ty gặp người thân, “đã là

việc của hơn hai năm về trước rồi, chẳng phải bây giờ tôi đã trở về an ổn đó sao?”.

Tâm trạng của cô tôi dần dần an định trở lại, cô nói với tôi lúc anh họ chết có mặc quần lửng, áo ngắn cổ rộng bằng chất liệu vải pôpolin màu trắng sọc xanh. Cô còn kể:

- Chị của con mới sinh được hơn mười ngày, do thời tiết rất nóng bức nên nó muốn cô gọi đầu, lau mình cho nó. Vừa gọi đầu xong, nó cầm lược chải tóc; đang lúc đợi cô đến tắm, thì cô phát hiện thấy nó rất bất thường, liền vội vã tìm mảnh vải che phần dưới lại, ngay lúc ấy, nó qua đời. Vài hôm sau, con trai của nó cũng chết. Nhưng trước lúc đóng quan tài, cô đều choàng áo dài cho chúng nó, bên trong hòm còn được che phủ rất kỹ cơ mà! Hai vợ chồng anh chị của con đều ra đi trong cùng một tháng!

Anh họ, chị họ vốn là vợ chồng, cũng là con gái, con rể của cô tôi. Tuy trong nhà có rất nhiều tiền, nhưng mặc đồ, trang điểm cho người ra đi sau khi chết chẳng có lợi ích gì cả! Dù rằng lúc sống là vợ chồng, nhưng vì nghiệp báo khác nhau,

nên sau khi chết mỗi người ở mỗi ngã, chẳng thể nào biết được nhau!

Mẫu thân và em gái tôi sống cuộc sống ở âm ty rất giống nhau. Chỉ có phụ thân lúc sống thường tụng *kinh Kim cang*, lại còn ngồi thiền, vâng theo tinh thần của Nho gia, giáo dục con gái rất nhiều điều: “Phi lễ chớ nói, phi lễ chớ nhìn, phi lễ chớ nghe, phi lễ chớ làm”; “Thà rằng người phụ ta, chứ ta đừng phụ người”; “Đem tâm tha thứ cho mình để tha thứ cho người, đem tâm trách móc người để trách móc mình”. Nhờ bẩm thọ những lời giáo huấn của phụ mẫu nên tai tôi thường được nghe, mắt tôi thường được thấy, tạo thành thói quen. Ngày nay học Phật, tuy chưa thành tựu được gì, nhưng những đạo lý ấy đều khiến tôi cảm thấy rất tự tại, thọ dụng vô cùng! Hơn nữa khi sống, phụ thân từng học Phật nên tôi và ông mới có thể gặp gỡ và thông hiểu. Điều này rất đặc biệt so với những người khác!

Sau khi học Phật, tôi được tụng *kinh Địa Tạng bồ-tát bản nguyện*, mới biết rằng trời nước một màu kia vốn là biển nước mặn. Còn vị trưởng lão xuất

gia đã đưa tôi đến âm ty thăm viếng phụ mẫu thì các vị đồng tu đều bảo đó là ngài Địa Tạng vương bồ-tát.

(Xuất bản lần đầu vào ngày 10/11/1992,
nguồn Trí Huệ)

2. Pháp sư Tâm Lạc từ địa ngục trở về

Nguyên văn lời tòa soạn:

Chương này có liên quan đến những việc mà tác giả Tâm Lạc tự thân trải nghiệm, xảy ra vào năm 1933 tại huyện Tuy Dương, tỉnh Chiết Giang.

Thoáng chốc, mới đó mà thấm thoát 50 năm trôi qua, ký ức chôn vùi trong sâu thẳm, in đậm dấu ấn của vô số tháng ngày. Lạnh nóng đổi dời, lại than rằng thời gian ngắn ngủi, một giấc mộng cũng dường như thế...

2.1. Thuyền từ vượt khổ

Trong khoảnh khắc ấy, tôi giống như một con ve sầu đang lột xác chưa xong, kêu rên rỉ đau đớn ở trong ấy, ngộ nguy yếu ớt, vật lộn trong không khí ngọt ngào. Sức va đập và bào mòn của nước biển đã nhấn chìm tạo thành những cơn sóng dữ dội. Tôi gào lên và la hét: “Chúa ơi! Chúa ơi! Đến cứu con!”. Nhưng mặc cho tôi có gào thét thế nào thì cũng không có âm thanh nào đáp trả...

Hình ảnh bồ-tát Quán Thế Âm lộ thiên tức thời thoáng qua trong tâm trí tôi. Lại lần nữa, tôi gọi thánh hiệu bồ-tát Quán Thế Âm. Y theo tiếng gọi đó, mặt biển trước mặt xuất hiện một chiếc thuyền chở rất nhiều nhưng chẳng biết là thuyền của bồ-tát nào. “Bồ-tát cứu con! Bồ-tát cứu, cứu con!”. Ngay lúc đó, bồ-tát Quán Âm vẫy nhành dương trên tay, trong phút chốc, tôi đã lên trên thuyền và đứng bên cạnh ngài, thoát khỏi cuộc chiến giằng co giữa sự sống và cái chết.

2.2. Tự thân trải nghiệm biến nghiệp

Trong vô thức, tôi được một bà lão (theo trực giác tôi nhận ra như thế) mang tôi đến một nơi mà xung quanh đó rất nhơ nhớp, tối tăm giống như màu trắng bạc. Ở đó, có rất nhiều căn phòng không thể tính xuể, vọng ra rất nhiều tiếng khóc lóc khổ sở... từng hồi, từng hồi, thê lương vạn phần.

Lúc đầu, tôi nhìn thấy một căn phòng rộng lớn vuông vức, kẻ chịu hình phạt bị trói ở giữa, luân phiên chịu những mũi nhọn từ bốn phía đâm tới, trên thân da thịt bấy nhầy, máu tươi loang lổ, tôi chỉ nghe thấy tiếng rên rỉ ú ớ vô lực của họ mà thôi. Tiếp theo, tôi lại thấy có kẻ hai bên thân bị trói bằng dây sắt, bị răng nanh của bọn quỷ dữ ở hai bên trái, phải cấu xé, như một cuộc giằng co, âm thanh bi thảm vang mãi không ngớt...

Mặc dù bà lão luôn nói với tôi đây là nghiệp báo của họ, nhưng một câu cũng không lọt vào tai tôi, chỉ cảm giác tâm lực vô cùng mệt mỏi, sợ hãi

muốn quay trở về, chẳng nỡ nhìn thấy cảnh ấy. Tôi lập tức nhắm hai mắt lại, trong thâm tâm khắc sâu một cảnh tượng chẳng thể phai mờ.

2.3. Thập điện Diêm vương

Khi mở mắt ra, tôi chẳng rõ là vào lúc nào. Ngự trên tòa là một lão Diêm vương có khuôn mặt màu xanh với ánh mắt rất lạnh lùng, dáng vẻ hung hãn. Tôi trấn an lòng mình, rồi vội vàng xá chào ngài, cầu xin ngài tha cho tôi được trở về. Nhưng Diêm vương chẳng hề đoái hoài tới tôi, cũng chẳng nói lời nào. Hình thù của các điện, rời khỏi một điện, lại có một điện nữa lần lượt xuất hiện trước mắt. Đến điện nào tôi cũng đều xá chào như thế rồi đi. Mãi đến lúc tới điện thứ chín, thì Diêm vương trước điện mới mở lời bảo tôi: “Ta ban cho cô thọ mạng 50 năm, sau khi về lại dương gian, hãy đem những điều cô đã trông thấy khuyên răn mọi người!”. Tôi khấu đầu bái tạ, rồi bất chợt nhớ đến người chị dâu hung dữ của mình, lại ngoảnh đầu nhìn về Diêm vương. Hình như ngài đã thấu hiểu hết tâm sự của tôi nên nói: “Cô ấy sẽ có một

người chồng tốt!”. Lúc này, tôi mới an tâm, thở phào nhẹ nhõm!

2.4. Đạo chơi cõi Tịnh Độ

Trong vô thức, tôi lại đến một nơi thanh tịnh, mát mẻ, gương mặt của mỗi người đều mỉm cười, xung quanh tràn ngập hoa thơm và chim hót, dòng nước trong xanh lượn lờ trôi làm cho ai nấy đều vui mừng say sưa, chẳng hề nghe thấy tiếng ồn náo của xe, của ngựa. Giữa không gian yên tĩnh này đã khiến tôi quên hết mọi sự sợ hãi và cơn chấn động lúc trước.

Từ xa ngắm nhìn, có rất nhiều hoa sen hiện ra trong mắt tôi. Trên hoa sen lại hiện ra rất nhiều vị bồ-tát với những dáng vẻ khác nhau, hoặc đứng, hoặc ngồi, hoặc ngồi xổm..., khắp cả mọi nơi. Cảnh liêu phát phơ rữ bên dòng nước, màu xanh của đài sen làm nổi bật những cánh hoa màu hồng nhạt. Vẻ uy nghiêm của các vị bồ-tát, màu sắc biến hóa, nhạc trời ngân vang khiến tôi quên hẳn mình đang ở nơi nào.

Lại có tháp được nghiêm sức bằng bảy báu, ánh sáng màu vàng lấp lánh, trang nghiêm không gì sánh bằng. Bên trong, tôn tượng của đức Phật A-di-đà được tạc ở trước giảng đường rộng lớn. Tôi vui mừng reo lên: “Con muốn ở đây, con không muốn quay về đâu!”. Có âm thanh từ nơi khác vọng đến, rồi xuất hiện một bà lão cầm chiếc gậy có đầu hình con rồng, bảo tôi: “Con à! Bây giờ con không thể lưu lại nơi này! Trong đây đều là những vị đệ tử Phật đã quy y Tam bảo, sau này con hãy trở lại nhé! Mẫu thân của con đang đợi con ở nhà đó!”. Nghe bà nhắc đến mẫu thân, thái độ khư khư của tôi mới dần dịu xuống, tôi cúi đầu vâng theo lời bà.

2.5. Được gặp vong hồn của cha

Lúc ngoái đầu nhìn, tôi lại bối rối chẳng biết mình đang đứng ở nơi nào. Đang lúc đầy dẫy sự nghi hoặc, tôi trông thấy người cha đã qua đời của mình. Ông đến trước mặt tôi, chúng tôi đôi bên vui mừng, ân cần hỏi han nhau. Đồng thời, tôi được gặp lại rất nhiều bạn bè, người thân đã qua đời, chúng tôi kể cho nhau nghe rất nhiều chuyện.

Khi cảm thấy vừa khát vừa đói, tôi mới quay sang phụ thân để xin ông nước uống và thức ăn. Phụ thân nói: “Nơi này không có nước, nguồn nước có quỷ sứ trông coi, khổng chế; mọi người chỉ có thể uống nước dơ bẩn từ nơi sông ngòi, ao rạch mà thôi; chỉ có thể ăn những vật phẩm cúng tế hay đồ ăn mà người ta vứt đi; lại có khi phải trộm gà, vịt và phân để ăn nữa. Nơi này chẳng phải chỗ con nên đến, mau mau trở về đi!”. Đang lúc tôi muốn mở miệng hỏi phụ thân thì có một vị màu vàng chỉ một ngón tay vào tôi làm tôi chỉ thấy trước mắt là một mảng tối đen, thế là tôi lại trở về dương gian, hồi phục hơi thở, sống trở lại.

2.6. Lời cuối

Năm đó tôi 19 tuổi, do việc ngoài ý mà chết; ba ngày sau, xuất hiện một kỳ tích là tôi sống trở lại. Những diễn biến trong thời gian ấy đã khiến tôi phủ định hoàn toàn tín ngưỡng về chúa Giê-su trong ba năm trước đó! Đến 50 tuổi, tôi đã trải qua biết bao cuộc bể dâu của đời người; những vinh hoa phú quý của thế gian, vinh nhục, ưu sủng

cũng giống như dòng nước, trôi đi không chút dấu tích, xa dần, xa dần! Tất cả đều hư huyền, như hoa trong gương, như trăng dưới nước, chẳng hề có thật! Cảnh Cực Lạc trong mộng đã thôi thúc, dẫn dắt tôi ba năm sau thế phát xuất gia, buông bỏ trần lao, cầu về cõi Phật. Nương nhờ thần lực của Phật và bồ-tát, 50 năm đã đi qua nhưng tôi vẫn sống khỏe mạnh. Cảm niệm sức gia trì của bồ-tát, trong pháp vị thanh lương tôi đã rũ bỏ mọi nhơ uế của trần tục, trong tâm thanh tịnh vô cấu. Nguyên đem việc cảm ứng này kể cho hết thầy hữu tình, đồng sanh về Tịnh Độ, đồng trở về Cực Lạc.

(*Giác thế tuần san*,
Thất thập hồi thủ, Tâm Lạc, 1983)

PHẦN PHỤ



Mười điều tâm niệm của người niệm Phật

1. Cung kính tín thuận Di-đà; quan tâm yêu thương giúp đỡ người khác; đối với bản thân thì khiêm hạ, nhu hòa.
2. Giữ luân thường đạo lý, hết lòng làm tròn bốn phận, bỏ việc tà vạy, giữ lòng chân thành; phụng sự việc công, tuân thủ pháp luật, làm người dân lương thiện.
3. Tự biết mình là kẻ ngu si, tội ác hơn người khác; không có một chút tư cách để đánh giá người khác.

Chẳng nói thị phi, chẳng nghe thị phi, chẳng truyền đạt thị phi, chẳng so sánh thị phi.

Chẳng tìm lỗi người, chẳng nói lỗi người, chẳng kể việc riêng tư của người, chẳng tranh nhân ngã.

Chẳng trái nhân quả, chẳng ôm lòng oán hận, chẳng có tâm giả dối, dua nịnh.

4. Kính yêu hòa thuận với lục thân quyến thuộc, tôn sùng đức hạnh, phát tâm nhân từ, thích tu kính nhường.

Về mặt hiền hòa, lời nói dịu dàng, vui vẻ mỉm cười, thương tưởng chúng sanh, ân cần với người.

Khiêm hạ cung kính, chẳng khởi tâm kiêu mạn, thường thấy hổ thẹn, muốn báo đáp ân Phật.

5. Giúp người an tâm, giúp người vui vẻ, giúp người hy vọng, giúp người lợi ích.

Xử sự với lòng chân thật, với lòng yêu thương, với lòng biết ơn, với lòng cung kính.

Xử sự phải nắm lấy nguyên tắc căn bản, đồng thời phải khéo biết chừng mực.

Xử sự đứng trên lập trường của đối phương để dễ thông cảm tha thứ.

Xử sự phải tự mình cam chịu thiệt thòi, không so đo tính toán.

6. Học tâm đại bi của Phật, Phật A-di-đà đối với ta như thế nào thì ta đối với người khác cũng như thế ấy.

7. Sinh hoạt phải giản đơn, chân chất thật thà.

Nói năng phải thành khẩn, hòa nhã.

Oai nghi phải khoan thai, không vội vàng hấp tấp.

8. Chối tội, cướp công là hành vi của kẻ tiểu nhân; giấu tội, khoe công cũng là việc bình thường của mọi người.

Nhường điều tốt đẹp, công lao cho người là hạnh của người quân tử.

Chia sẻ điều xấu của người, cùng gánh lấy lỗi lầm với người dù mình không phạm để cho người giảm bớt áp lực là điều mà người có đức hạnh sâu dày phải làm.

9. Quy luật vận hành của trời đất (luật nhân quả), kẻ kiêu mạn tự mãn thì bị tổn phước, người khiêm tốn thì được giúp cho càng đầy đủ.

Trời đất, quỷ thần và mọi người đều ghét kẻ kiêu ngạo tự mãn thì kẻ ấy làm sao không bị tai họa? Người khiêm hạ tích đức được trời đất, quỷ thần và mọi người ủng hộ thì làm sao mà không phát đạt và hưởng được nhiều phước?

10. Người ở địa vị thấp hèn muốn hiển đạt, trước tiên phải làm cho người khác cảm nhận rằng người ấy có đức khiêm hạ. Vì người ấy có đức khiêm hạ, mới có thể nhận lãnh những lời dạy hay, cho nên người ấy được lợi ích vô cùng.

(Pháp sư Huệ Tĩnh soạn)

SÁCH TÙY THÂN – HỆ GIÁO NGHĨA

MÃ SÁCH 編 號	TÊN SÁCH 書 名
BT01	TÔNG CHỈ TÔNG TỊNH ĐỘ 淨土宗宗旨
BT02	MỤC ĐÍCH CỦA ĐỜI NGƯỜI 人生之目的
BT03	TIẾNG GỌI CỦA ĐỨC PHẬT A-DI-ĐÀ 彌陀的呼喚
BT04	NIỆM PHẬT CHẮC CHẴN VẮNG SANH 念佛必定往生
BT05	NIỆM PHẬT MỘT MÔN THÂM NHẬP 念佛一門深入